

Số: 277/QĐ-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 04 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định xét miễn và công nhận chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Đồng Tháp

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp nay là Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định đào tạo liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;


Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-ĐHĐT ngày 04/01/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xét miễn và công nhận chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 121/QĐ-ĐHĐT ngày 31/3/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy định bảo lưu kết quả học tập, trở lại học tập, chuyển trường, xin thôi học, chuyển đổi chương trình đào tạo của sinh viên đại học, cao đẳng đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Các đơn vị đào tạo có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn triển khai Quy định này.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan, giảng viên và sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- <http://dthu.edu.vn/>;
- Lưu: VT, ĐT 



Lương Thanh Tân

QUY ĐỊNH

Về việc xét miễn và công nhận chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Đồng Tháp

(Ban hành kèm theo Quyết định số 277/QĐ-ĐHĐT ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định về xét miễn và công nhận chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Đồng Tháp bao gồm: những quy định chung, tổ chức và quy trình thực hiện xét miễn và công nhận chuyển đổi kết quả học tập.

2. Việc xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ trong chương trình đào tạo bậc cao đẳng, đại học hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Đồng Tháp áp dụng theo Quy định này.

Điều 2. Nguyên tắc công nhận chuyển đổi kết quả học tập

1. Chương trình đào tạo làm căn cứ để xét chuyển đổi kết quả học tập:

a) Đối với người học hệ chính quy tại trường là chương trình đào tạo hệ chính quy hiện hành;

b) Đối với người học liên thông từ trung cấp hoặc cao đẳng lên đại học theo hình thức chính quy là chương trình đào tạo đại học hệ chính quy hiện hành;

c) Đối với người học liên thông từ trung cấp hoặc cao đẳng lên đại học theo hình thức vừa làm vừa học là chương trình đào tạo đại học vừa làm vừa học hiện hành;

d) Đối với người học có văn bằng đại học thứ nhất học tiếp để lấy bằng đại học thứ hai theo hình thức vừa làm vừa học là chương trình đại học vừa làm vừa học hiện hành.

2. Quy đổi số đơn vị học trình (ĐVHT) của các môn học/ học phần trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học theo hình thức niên chế sang số tín chỉ trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, đại học theo tín chỉ của Trường Đại học Đồng Tháp theo bảng:

| Số ĐVHT | Số tiết theo ĐVHT | Quy đổi sang số tín chỉ |
|--------------------------------|--------------------------|-------------------------|
| $1 \leq \text{Số ĐVHT} \leq 2$ | Từ 15 tiết đến 30 tiết | 1 |
| $2 < \text{Số ĐVHT} \leq 3$ | Trên 30 tiết đến 45 tiết | 2 |
| $3 < \text{Số ĐVHT} \leq 4$ | Trên 45 tiết đến 60 tiết | 3 |
| $4 < \text{Số ĐVHT} \leq 5$ | Trên 60 tiết đến 75 tiết | 4 |



3. Xét công nhận chuyển đổi kết quả học tập các môn học/ học phần đã tích lũy sang trình độ cao đẳng, đại học tại Trường Đại học Đồng Tháp theo các nguyên tắc sau:

a) Môn học/ học phần thuộc danh mục các học phần tương đương/thay thế theo quy định của Trường Đại học Đồng Tháp được chuyển điểm;

b) Môn học/ học phần đã tích lũy không thuộc danh mục học phần tương đương/ thay thế theo quy định của Trường Đại học Đồng Tháp, nếu có cùng tên (hoặc tương tự) và có số tín chỉ sau quy đổi không nhỏ hơn 01 tín chỉ học phần ở bậc cao đẳng, đại học được chuyển điểm;

c) Học phần ở trình độ cao đẳng, đại học được xác định là hợp nhất từ hai hay nhiều môn học/ học phần đã tích lũy và có tổng số tín chỉ sau quy đổi không nhỏ hơn số tín chỉ học phần ở trình độ cao đẳng, đại học được chuyển điểm. Điểm đánh giá học phần ở bậc cao đẳng, đại học là điểm trung bình chung có trọng số theo số tín chỉ sau quy đổi các môn học/ học phần thành phần đã học.

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình cộng của môn học/ học phần sau khi quy đổi

a_i là điểm của môn học/ học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của môn học/ học phần thứ i

n là tổng số môn học/ học phần.

d) Nếu có 2 học phần hoặc nhiều học phần được xét miễn từ 1 học phần đã tích lũy thì điểm của các học phần được miễn là điểm của học phần đã tích lũy.

đ) Miễn học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh (GDQP-AN):

- Sinh viên có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp học viện, trường sĩ quan quân đội, công an;

- Sinh viên có quốc tịch nước ngoài;

- Sinh viên học đại học văn bằng thứ hai (đã có học các học phần về GDQP-AN hoặc chứng chỉ GDQP-AN ở văn bằng thứ nhất);

- Sinh viên có chứng chỉ GDQP-AN được cấp ở một chương trình đào tạo bậc cao đẳng, đại học;

- Sinh viên chuyển trường được xét miễn các học phần GDQP-AN đã tích lũy;

- Sinh viên được miễn học phần GDQP-AN 3 (Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, CKC) thuộc một trong các đối tượng sau: Sinh viên là tu sĩ thuộc các tôn giáo; Sinh viên có thương tật, khuyết tật bẩm sinh, bị bệnh mãn tính làm hạn chế chức năng vận động có giấy chứng nhận của bệnh viện từ cấp huyện và tương đương; Sinh viên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, có giấy xuất ngũ do đơn vị quân đội có thẩm quyền cấp.

e) Đối với học phần Giáo dục thể chất (GDTC) thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xét miễn học phần nếu sinh viên đạt một trong các yêu cầu sau:

- Sinh viên có chứng chỉ GDTC;
- Sinh viên học đại học văn bằng thứ hai (đã có học các học phần GDTC ở văn bằng thứ nhất);
- Sinh viên đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học các ngành thuộc nhóm ngành thể dục thể thao;
- Sinh viên chính quy thuộc đối tượng miễn, giảm các học phần GDTC được thực hiện theo quy định hiện hành;

g) Đối với các học phần Khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, việc xét miễn và công nhận điểm học phần thực hiện như sau:

- Sinh viên có bằng tốt nghiệp đại học do các trường đại học ở Việt Nam hoặc các trường liên kết mở tại Việt Nam cấp và tích lũy các học phần Khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh có nội dung và số tín chỉ (đơn vị học trình) tương đương;
- Sinh viên có bằng trung cấp chính trị trở lên.

h) Đối với học phần ngoại ngữ, tin học: Sinh viên thực hiện theo quy định hiện hành của Trường Đại học Đồng Tháp.

k) Đối với học phần xét miễn ghi điểm miễn là “M” và không tính điểm trung bình chung tích lũy. Đối với học phần được công nhận kết quả chuyển đổi để bảo lưu điểm sử dụng kí hiệu “R” viết kèm với kết quả và được tính vào điểm trung bình chung tích lũy. Điểm được công nhận “M” và “R” khi điểm môn học/ học phần phải đạt từ điểm D trở lên theo Khoản 4, Điều 2 của Quy định này.

4. Đối với bảng điểm từ các cơ sở giáo dục khác chỉ có thang điểm chữ được quy đổi sang thang điểm 10 như sau:

a) Đối với bảng điểm xét bảo lưu kết quả học tập không có phần điểm mở rộng (+) được quy đổi theo bảng sau:

| Thang điểm chữ | Thang điểm 10 |
|----------------|---------------|
| A | 9,5 |
| B | 7,5 |
| C | 6,0 |
| D | 5,0 |

b) Đối với bảng điểm xét bảo lưu kết quả học tập có phần mở rộng (+) được quy đổi theo bảng sau:

| Thang điểm chữ | Thang điểm 10 |
|----------------|---------------|
| A+ | 10 |
| A | 8,5 |
| B+ | 8,4 |

| | |
|----|-----|
| B | 7,0 |
| C+ | 6,9 |
| C | 5,5 |
| D+ | 5,4 |

Khối lượng kiến thức còn lại sau khi miễn trừ đối với chương trình đào tạo văn bằng hai là khoảng từ 75 tín chỉ đến 90 tín chỉ trong thời gian đào tạo 2,5 đến 3 năm. Đối với chương trình đào tạo văn bằng thứ nhất gắn với ngành đào tạo văn bằng thứ hai thì học phần bảo lưu được thực hiện theo Khoản 3, Điều 2 của Quy định này.

5. Những trường hợp không nằm trong phạm vi áp dụng của Quy định này, phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa xem xét trình Hiệu trưởng quyết định.

Điều 3. Tổ chức và quy trình thực hiện xét miễn và công nhận điểm học phần

1. Hiệu trưởng ban hành Quyết định thành lập Hội đồng xét miễn và công nhận điểm học phần cấp Trường.

2. Trường Khoa quản lý ngành đào tạo chịu trách nhiệm ban hành Quyết định thành lập Hội đồng xét miễn cấp Khoa, họp Hội đồng xét miễn và công nhận điểm học phần thuộc đơn vị.

3. Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm kiểm tra đối chiếu kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần.

4. Phòng Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm nhập kết quả xét miễn, bảo lưu điểm học phần và lưu hồ sơ điểm.

5. Các Khoa phân công quản lý học phần trong chương trình đào tạo có trách nhiệm tư vấn việc xét miễn và công nhận điểm học phần nếu được yêu cầu.

6. Các đơn vị được giao nhiệm vụ cấp chứng chỉ và chứng nhận của Trường có trách nhiệm kiểm tra thông tin về chứng chỉ liên quan nếu được yêu cầu.

7. Trách nhiệm của sinh viên:

a) Đối với sinh viên hệ chính quy: Vào 2 tuần đầu tiên của khóa học, căn cứ vào chương trình đào tạo, sinh viên làm đơn đề nghị đơn vị đào tạo xem xét miễn và công nhận điểm học phần trong chương trình đào tạo bậc cao đẳng, đại học trước đó (nếu có) đã tích lũy có nội dung và khối lượng tương đương hoặc lớn hơn (Phụ lục 1a, 1b). Trường hợp này, sinh viên làm đơn có đính kèm theo bản sao chứng chỉ và bảng điểm của cơ sở đào tạo trước đây (có chứng thực) và thực hiện theo quy trình tại Khoản 8, Điều 3 của Quy định này.

b) Đối với sinh viên liên thông, văn bằng hai: Không cần nộp bản sao bảng điểm (do bảng điểm đã được nộp trong hồ sơ đăng ký dự thi và được Phòng Đào tạo chuyển đến Khoa để tổ chức việc xét miễn và công nhận điểm học phần theo kế hoạch tuyển sinh hàng năm).

c) Sinh viên căn cứ vào kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần được phê duyệt, thông qua cố vấn học tập để lập kế hoạch toàn khóa và đăng ký học phần cần tích lũy trong từng học kỳ.

8. Quy trình xét miễn và công nhận chuyển đổi kết quả học tập (hệ chính quy)

| Bước | Nội dung | Thời hạn tối đa |
|------|--|-------------------------|
| 1. | Sinh viên lập hồ sơ theo Phụ lục 1a, 1b (kèm bảng điểm) gửi phòng Đào tạo. | 2 tuần đầu của khóa học |
| 2. | Phòng Đào tạo xem xét, rà soát, tổng hợp trình Hiệu trưởng ký duyệt Quyết định công nhận xét miễn và chuyển đổi kết quả học tập. | 1 tuần |
| 3. | Phòng Đào tạo sao lưu gửi: - Phòng Đảm bảo chất lượng: Nhập điểm và lưu hồ sơ điểm. - Công bố kết quả cho sinh viên được biết. | 2 ngày |

9. Quy trình xét miễn và công nhận chuyển đổi kết quả học tập (hệ không chính quy)

| Bước | Nội dung | Thời hạn tối đa |
|------|---|-----------------------------|
| 1. | Phòng Đào tạo tham mưu Hiệu trưởng ban hành Quyết định thành lập Hội đồng xét và công nhận kết quả chuyển đổi học tập cấp Trường. | Đầu năm học |
| 2. | Xét và công nhận chuyển đổi kết quả học tập cấp Khoa: - Thành lập Hội đồng - Xét và công nhận chuyển đổi kết quả học tập cấp Khoa (phòng Đào tạo photo bảng điểm học viên gửi Khoa) - Biên bản họp Hội đồng cấp Khoa (<i>Phụ lục 2</i>) và kết quả xét và công nhận chuyển đổi kết quả học tập (<i>Phụ lục 3</i>) (1 bản gửi về phòng Đào tạo, 1 bản lưu tại Khoa) | 2 tuần đầu của khóa đào tạo |
| 3. | Phòng Đào tạo xem xét, rà soát kết quả xét và công nhận chuyển đổi kết quả Hội đồng cấp Khoa (trường hợp có sự thay đổi kết quả xét chuyển đổi, phòng Đào tạo thông báo cho Hội đồng cấp Khoa để thống nhất điều chỉnh) | 1 tuần |
| 4. | Họp Hội đồng xét và công nhận chuyển đổi kết quả học tập cấp Trường. | 1 tuần |
| 5. | Phòng Đào tạo tổng hợp trình Hiệu trưởng ký duyệt kết quả xét và công nhận chuyển đổi kết quả học tập, chuyển kết quả về phòng Đảm bảo chất lượng để nhập và lưu hồ sơ điểm. | 1 tuần |



Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh thì phòng Đào tạo có trách nhiệm tham mưu Hiệu trưởng để xem xét và điều chỉnh Quy định cho phù hợp.



Lương Thanh Tân



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN VÀ CÔNG NHẬN ĐIỂM “M”
(Do có chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học, GDQP, GDTC)

Kính gửi: Phòng Đào tạo

Tôi tên là: Mã số SV:

Lớp: Khóa: Điện thoại liên hệ:

Nay tôi làm đơn này kính đề nghị được xét và công nhận điểm “M” các học phần:

1/..... Mã HP:

2/..... Mã HP:

3/..... Mã HP:

do tôi có Chứng chỉ:

Nơi cấp Chứng chỉ:

Trân trọng kính chào./.

Đồng Tháp, ngày tháng năm 20...

SINH VIÊN

(Ký tên và ghi họ tên)

Ghi chú: Sinh viên nộp đơn có đính kèm theo bản photo Chứng chỉ (có chứng thực).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÉT MIỄN VÀ CÔNG NHẬN ĐIỂM HỌC PHẦN
(do đã tích lũy tại một cơ sở đào tạo)

Kính gửi: - Phòng Đào tạo;

- Quý Thầy/Cô cố vấn học tập.

Tôi tên là: Mã số SV:

Lớp: Khóa: Điện thoại liên hệ:

Nay tôi làm đơn này kính đề nghị được xét miễn và công nhận điểm (các) học phần do đã tích lũy khi theo học chương trình đào tạo trước đây tại Trường/Học viện
....., cụ thể như sau:

| S T T | Môn học/học phần đã tích lũy | | | Học phần đề nghị nhận điểm R, M tương ứng | | |
|-------------|------------------------------|----------------|------|---|----------|---|
| | Tên môn học/ học phần | Số TC/ ĐVHT | Điểm | Tên học phần | Số TC | Trưởng BM ký tên (đồng ý/không đồng ý) |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |
| 4 | | | | | | |
| 5 | | | | | | |
| 6 | | | | | | |

Trân trọng kính chào./.

CÓ VẤN HỌC TẬP

Đồng Tháp, ngày tháng năm 20...
SINH VIÊN

Ghi chú:

- Sinh viên được Cố vấn học tập lớp hướng dẫn phê duyệt các Bộ môn của học phần liên quan.
- Đơn có đính kèm theo bản sao chứng chỉ và bảng điểm của cơ sở đào tạo bậc đại học trước đây (có chứng thực).

KHOA.....

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BB-...

Đồng Tháp, ngày tháng năm 20...

Phụ lục 2

BIÊN BẢN**Xét miễn và công nhận điểm học phần****I. THÀNH PHẦN**

Hội đồng xét miễn và công nhận điểm học phần gồm:

- | | | |
|-----------------|--------------------------|------------|
| 1. Ông/Bà | Trưởng/Phó Trưởng Khoa | Chủ tịch |
| 2. Ông/Bà | Trưởng/Phó Trưởng Bộ môn | Thành viên |
| 3. Ông/Bà | Giáo vụ khoa | Thư ký |

II. THỜI GIAN: Lúch.....', ngày tháng năm 20...**III. NỘI DUNG:**

Xét miễn và công nhận điểm học phần cho sinh viên (các) ngành:

IV. Ý KIẾN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT MIỄN HỌC PHẦN

Thực hiện theo các hướng dẫn và quy định hiện hành, Hội đồng xét miễn và công nhận điểm học phần cấp Khoa đề nghị Hội đồng cấp Trường xem xét và công nhận kết quả xét miễn và điểm học phần cho sinh viên theo danh sách đính kèm.

(Kèm theo Biên bản là kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần cho sinh viên và bản sao chứng chỉ (nếu có) sử dụng để xét miễn học phần)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG*(Ký tên và ghi rõ họ tên)***ỦY VIÊN***(Ký tên và ghi rõ họ tên)***THƯ KÝ HỘI ĐỒNG***(Ký tên và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú: Biên bản có đính kèm danh sách SV và kết quả xét miễn & công nhận điểm học phần, bản sao chứng chỉ (nếu có) và bảng điểm đã sử dụng để xét miễn học phần được gửi đến Hội đồng Xét miễn và công nhận điểm học phần cấp Trường thông qua Phòng Đào tạo.

DANH SÁCH SINH VIÊN
VÀ KẾT QUẢ ĐƯỢC XÉT MIỄN & CÔNG NHẬN ĐIỂM HỌC PHẦN
(đính kèm Biên bản số...../BB-..... ngày ... tháng ... năm 20...
về xét miễn và công nhận điểm học phần của Khoa)

| STT | Mã số sinh viên | Họ và tên sinh viên | Mã số học phần | Điểm | Ghi chú |
|-----|-----------------|---------------------|----------------|------|---------|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

TRƯỞNG KHOA
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Danh sách sinh viên và kết quả xét miễn & công nhận điểm học phần bằng văn bản và bằng e-file (excel) được đính kèm theo Biên bản xét miễn & công nhận điểm học phần cùng bản sao chứng chỉ (nếu có) và bảng điểm đã sử dụng để xét miễn học phần gửi đến Hội đồng xét miễn và công nhận điểm học phần cấp Trường thông qua Phòng Đào tạo.

- Cách ghi thông tin trong bảng trên như sau:

- + Cột “STT”: ghi số thứ tự tăng dần.
- + Cột “Mã số sinh viên”: ghi Mã số của SV.
- + Cột “Họ và tên sinh viên”: ghi họ và tên SV.
- + Cột “Mã số học phần”: ghi mã số học phần thuộc CTĐT mà SV được xét miễn, bảo lưu.
- + Cột “Điểm”: ghi điểm theo thang điểm 10 được làm tròn đến 1 chữ số thập phân hoặc điểm theo thang điểm chữ nếu không có điểm theo thang điểm 10. Nếu là điểm miễn thì ghi là “M”.
- + Cột “Ghi chú”: ghi ngắn gọn các lưu ý (ví dụ: đính kèm chứng chỉ/ đính kèm bảng điểm).